



guān guāng kè

观 光 客

noun · tourist

Example Sentences

Zhè lǐ yǒu hěn duō guān guāng kè

这里有很多观 光 客。

There are many tourists here.

Guān guāng kè xǐ huān zài guǎng chǎng pāi zhào

观 光 客喜欢在广 场 拍照。

Tourists like to take photos in the square.

Trace each character, then write the word on your own.

观	观	观	观	观	观	观	观	观		
光	光	光	光	光	光	光	光	光		
客	客	客	客	客	客	客	客	客	客	客
客										